TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-
Ngày 27/8/2020
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình.
Bà Nguyễn Thị Bích.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày **27/8/2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ về việc tranh chấp " ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXX-ST ngày 23/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2020/QĐ-ST ngày 10/8/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phí Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn Cầu Meo, xã Nam D, huyện Lục Ng, tỉnh B. (vắng mặt)

*** Bị đơn:** Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1988.

Nơi ở: Thôn Trung Phụ Ngoài, xã Tân H, huyện Lạng G, tỉnh B. Hiện đang lao động ở nước ngoài không rõ địa chỉ. (vắng mặt)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Vũ Thị L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: thôn Trung Phụ Ngoài, xã Tân H, huyện Lạng G, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là

chị Phí Thị Htrình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011, chị kết hôn với anh Đỗ Văn Q. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Lạng G, tỉnh B. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong chị về nhà anh Đỗ Văn Q chung sống và cùng gia đình làm ăn kinh tế. Thời gian đầu chung sống hòa thuận sau khi được 02 năm vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống vợ chồng chị ly thân từ tháng 8 năm 2018 chị xác định vợ chồng tình cảm không còn mâu thuẫn vợ chồng tới mức trầm trọng. Kéo dài mục đích hôn nhân không dài được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn Q.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Lan Ch, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Đỗ Thùy A, sinh ngày 17/8/2016. Khi ly hôn nguyện vọng của chị sẽ nuôi con chung là cháu Đỗ Lan Ch, anh Q nuôi con chung là cháu Đỗ Thùy A chị không đòi hỏi anh Q quyền lợi gì hết.

Về tài sản chung, công nợ ruộng đất canh tác: chị H Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn Q thông qua thân nhân là bà Vũ Thị L, sinh năm 1959. Địa chỉ: thôn Trung Phụ Ngoài, xã Tân H, huyện Lạng G, tỉnh B mẹ đẻ anh Q) có quan điểm trình bày như sau:

Hiện nay, anh đang đi lao động tại nước ngoài, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về việc cung cấp địa chỉ của anh Q ở nước ngoài thì anh không biết nên không cung cấp được cho Tòa án. Về yêu cầu khởi kiện của chị H thì anh Q có trao đổi về với gia đình như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Q đồng ý ly hôn với chị Phí Thị H.

Về con chung: anh Q và chị H có 02 con chung là cháu con chung là cháu Đỗ Lan Ch, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Đỗ Thùy A, sinh ngày 17/8/2016 anh Q đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu Đỗ Lan Ch, còn anh Q nuôi con chung là cháu Đỗ Thùy A và không đề nghị tòa án giải quyết cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Hiện nay, cháu Đỗ Thùy A đang ở với bố và ông bà nội. Anh Q đồng ý để cho bà là người đứng ra chăm sóc cháu A khi anh Q vắng nhà. Bà đề nghị Tòa án đưa bà vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bà cũng đồng ý là người chăm sóc cháu A khi anh Q vắng nhà, cháu A cũng ở với gia đình bà từ khi cháu còn bé.

Tòa án yêu cầu gia đình bà thông báo cho anh Q để anh Q gửi bản tự khai,

quan điểm về cho Tòa án thì gia đình bà từ chối thực hiện.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phí Thị H, anh Đỗ Văn Q, bà Vũ Thị L vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố quan điểm của các đương sự, các tài liệu Tòa án xác minh thu thập có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự chị H, bà L kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh Q không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho chị Phí Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn Q. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Lan Ch, sinh ngày 08/6/2012 cho chị H nuôi dưỡng giao con chung là cháu Đỗ Thùy A, sinh ngày 17/8/2016 cho anh Q nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu nên không giải quyết. Tài sản chung, công nợ chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Phí Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phí Thị H là công dân Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn anh Đỗ Văn Q và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung. Bị đơn là anh Đỗ Văn Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn Trung Phụ Ngoài, xã Tân H, huyện Lạng G, tỉnh B. Hiện đang lao động tại nước ngoài. Căn cứ công văn số: 6125/QLXNC(P5) ngày 14/5/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Đỗ Văn Q đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 27/11/2019, chưa thấy nhập cảnh về Việt Nam. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định về quan hệ pháp luật: đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật

Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa anh Đỗ Văn Q vắng mặt không có lý do, căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Q theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa nhưng có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; điểm a, khoản 5, Điều 477 - Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đỗ Văn Q và các đương sự khác.

[3]. Về quan hệ vợ chồng:

[3.1]. Chị Phí Thị H và anh Đỗ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự do, tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Lạng G, tỉnh B vào ngày 25/8/2011 theo quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Phí Thị H và anh Đỗ Văn Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận sau khi được 02 năm anh Q và chị H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2018 nay xác định vợ chồng tình cảm không còn mâu thuẫn vợ chồng tới mức trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được chị Phí Thị H xin ly hôn anh Q.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị H và anh Q đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay vợ chồng cũng không còn quan tâm nhau nữa. Xét thấy đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Phí Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn Q.

[4]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

[4.1]. Chị Phí Thị H và anh Đỗ Văn Q có 02 con chung là 02 con chung là cháu Đỗ Lan Ch, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Đỗ Thùy A, sinh ngày 17/8/2016 . Hiện nay cháu Lan Chi đang ở với mẹ, cháu A đang ở với bố mẹ anh Q là bà Vũ Thị L tại thôn Trung Phụ Ngoài, xã Tân H, huyện Lạng G, tỉnh B. Sau khi ly hôn chị H đề nghị được nuôi con chung là cháu Đỗ Lan Ch và anh Q nuôi cháu Đỗ Thùy A, anh Q đồng ý với nguyện vọng này của chị H. Mẹ anh Q cũng cũng đồng ý là người chăm sóc cháu A khi anh Q vắng nhà, Cháu A cũng ở với gia đình bà L từ khi cháu còn bé.

[4.2]. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay anh Đỗ Văn Q đang lao động tại nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Hai con chung của anh Q và chị H đang ở ổn định cùng chị H và anh Q. Bên cạnh đó, bà L là bà nội của cháu cũng đồng ý đứng ra nhận trách nhiệm để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh Q và chị H trong thời gian anh Q không có ở nhà. Việc bà Vũ Thị L nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu nội cũng phù hợp theo quy định của Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung, đảm bảo ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường, tránh xáo trộn đời sống của con chung, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh Đỗ Văn Q được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Thùy A, giao cho chị Phí Thị H được nuôi dưỡng cháu Đỗ Lan Ch. Về cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4.3]. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Phí Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí ly hôn: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, chị Phí Thị Hphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phí Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn Q.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

- Giao con chung là Đỗ Lan Ch, sinh ngày 08/6/2012 cho chị Phí Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao con chung là Đỗ Thùy A, sinh ngày 17/8/2016 cho anh Đỗ Văn Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phí Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, và 300.000 đồng án phí do phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2019/0002052 ngày 16/12/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lạng G, tỉnh B.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Đỗ Văn Q hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự cư trú tại Việt Nam, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện Lạng G, tỉnh B
- UBND xã Tân H, Lạng Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

Nguyễn Thị Bích Trần Thanh Bình